

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Lan Ngọc

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Nguyễn Thị Lương

2/ Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Sâm

Vào ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 918/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 327/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự :

Nguyên đơn : Bà Lê Thị Th – sinh năm 1992;

Địa chỉ: 97/17 đường B, Phường B1, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

(có mặt)

Bị đơn : Ông Lê Văn H – sinh năm 1987;

Địa chỉ: 219/45 đường Đ, Phường S, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Nguyên đơn – bà Lê Thị Th trình bày:

Bà và ông Lê Văn H tự nguyện chung sống vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, thành phố H1, tỉnh H2 theo Bản sao Trích lục kết hôn số 156/TLKH-BS do Ủy ban nhân dân xã Tr, thành phố H1, tỉnh H2 cấp ngày 13/5/2020.

Bà và ông H chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau và bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên hòa giải nhưng không thể hàn gắn được. Nay cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Khởi V, sinh ngày 10/6/2011 và Lê Song T1, sinh ngày 11/10/2014. Ly hôn, bà Lê Thị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Lê Song T1 và ông Lê Văn H trực tiếp nuôi 01 con chung là Lê Thị Khởi V. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Bà Th khai hai bên không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà Th khai hai bên không có nợ chung.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến về các yêu cầu đã trình bày.

Bị đơn, ông Lê Văn H vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Lê Thị Th có đơn yêu cầu ly hôn ông Lê Văn H. Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tư cách tố tụng: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định nguyên đơn bà Lê Thị Th, bị đơn ông Lê Văn H.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do ông Lê Văn H hiện đang cư trú tại quận T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân quận T là đúng thẩm quyền.

[4] Về thủ tục tố tụng: Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án lập biên bản ghi nhận về việc không hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[5] Về nội dung: nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện từ khi nguyên đơn nộp đơn ly hôn đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt để bị đơn trình bày ý kiến cũng như hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt thể hiện bị đơn không tôn trọng pháp luật và không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tình nghĩa vợ chồng là sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nguyên đơn vẫn cương quyết ly hôn thể hiện nguyên đơn không còn tin tưởng; không muốn tiếp tục chung sống với bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về con chung:

Có 02 con chung tên Lê Thị Khởi V, sinh ngày 10/6/2011 và Lê Song T1, sinh ngày 11/10/2014. Bà Lê Thị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Lê Song T1 vì trẻ T1 hiện đang do bà Th nuôi dưỡng và ông Lê Văn H trực tiếp nuôi 01 con chung là Lê Thị Khởi V vì trẻ Vdo ông H nuôi dưỡng. Căn cứ vào nguyện vọng của con chung và để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao trẻ Lê Song T1 cho bà Lê Thị Th nuôi và giao trẻ Lê Thị Khởi V cho ông Lê Văn H nuôi là có cơ sở chấp nhận.

Về mức cấp dưỡng nuôi con, bà Th không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung: Nguyên đơn bà Lê Thị Th khai hai bên không có tài sản chung.

Về nợ chung: Nguyên đơn bà Lê Thị Th khai hai bên không có nợ chung.

Án phí dân sự sơ thẩm do nguyên đơn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; căn cứ điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016); Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân bà Lê Thị Th được ly hôn ông Lê Văn H.

Về quan hệ con chung: Giao cho bà Lê Thị Th được trực tiếp nuôi trẻ Lê Song T1, sinh ngày 11/10/2014 và giao cho ông Lê Văn H được trực tiếp nuôi trẻ Lê Thị Khởi Vs, sinh ngày 10/6/2011;

Về mức cấp dưỡng nuôi con, bà Lê Thị Th không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không được trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Nguyên đơn bà Lê Thị Th khai hai bên không có tài sản chung.

Về nợ chung: Nguyên đơn bà Lê Thị Th khai hai bên không có nợ chung.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Lê Thị Th nộp. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Lê Thị Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0068570 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận T thành tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lan Ngọc